

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản pháp lý có liên quan,
- Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 01 năm 2016.
- Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty. Trong quá trình hoạt động, nếu có phát sinh những vấn đề không được đề cập tới trong Điều lệ, thì những vấn đề đó được giải quyết theo quy định của Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các quy định của pháp luật có liên quan.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trong Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
2. “Điều lệ” có nghĩa là Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.
3. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014.
4. “Vốn điều lệ” có nghĩa là số vốn do tất cả các cổ đông cam kết góp trong một thời hạn nhất định bằng phương thức mua cổ phần.
5. “Cổ phần” có nghĩa là một phần vốn điều lệ, các cổ phần có giá trị bằng nhau.
6. “Cổ đông” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần.
7. “Cổ đông sáng lập” có nghĩa là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty cổ phần.
8. “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết.
9. “Cổ phiếu” có nghĩa là giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông.

10. “Cổ tức” có nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

Những từ ngữ khác không có trong phần định nghĩa này được hiểu theo nghĩa quy định tại Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG I NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG TÊN CÔNG TY VÀ HÌNH THỨC CÔNG TY

Điều 1. Tên Công ty và hình thức Công ty

1.1 Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

HOANG HUY FINANCIAL INVESTMENT SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

TCH

1.2 Hình thức Công ty: Công ty là Công ty cổ phần. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình. Mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Trụ sở và địa bàn hoạt động

2.1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 116 đường Nguyễn Đức Cảnh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

2.2. Điện thoại: (031) 3782321 Fax: (031) 3782326

Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần thiết, Công ty sẽ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập văn phòng đại diện và chi nhánh tại các địa phương khác trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

3.1 Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, có con dấu riêng, mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và tại nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

- 3.2 Công ty có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 3.3 Công ty chỉ chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi Vốn điều lệ.
- 3.4 Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 3.5 Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container	4933
4	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
5	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
6	Bán mô tô, xe máy	4541
7	Khai thác và thu gom than cứng	0510
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
9	Khai thác quặng sắt	0710
10	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
12	Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;	4220
13	Khai thác và thu gom than non	0520
14	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken	0722
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
18	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông	4210
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4290
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu; Bán buôn bê tông thương phẩm	4663
21	Khai thác và thu gom than bùn	0892
22	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
23	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
24	Sản xuất xe có động cơ Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2910
25	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
26	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
27	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
28	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
30	Đúc sắt thép	2431
31	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
33	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
34	Vận tải hành khách đường bộ khác: Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;	4932

33	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại	4100
36	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy – chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây truyền hình (gồm cả cáp quang học)	4321
37	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
39	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (nhóm C)	7020
40	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
41	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán: (không bao gồm môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản)	6612
43	Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng)	2432
44	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661
45	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
46	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492

Điều 5. Thời gian hoạt động

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức hoạt động, điều hành của Công ty

6.1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng dân chủ và tôn trọng pháp luật.

- 6.2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- 6.3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý và điều hành Công ty giữa hai kỳ họp của Đại hội đồng, bầu các Kiểm soát viên để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
- 6.4. Quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- 6.5. Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị

- 7.1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.
- 7.2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

MỤC 1. QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty có quyền:

- 8.1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- 8.2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với mục tiêu của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất, kinh doanh;
- 8.3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và tạo hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- 8.4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- 8.5. Kinh doanh những ngành nghề theo quy định của pháp luật;
- 8.6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước, được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật;

- 8.7. Quyết định toàn bộ giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, hàng hoá và dịch vụ, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá;
- 8.8. Được bảo hộ về quyền sở hữu công nghệ, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- 8.9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh;
- 8.10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật;
- 8.11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi học tập và công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.

Điều 9. Quyền quản lý tài chính của Công ty

Công ty có quyền:

- 9.1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi;
- 9.2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất;
- 9.3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- 9.4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 9.5. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật.

MỤC 2. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Nghĩa vụ trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty có nghĩa vụ:

- 10.1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả sản xuất, kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;
- 10.2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của Công ty và nhu cầu thị trường;

- 10.3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;
- 10.4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của bộ Luật Lao động nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thoả ước lao động tập thể và các quy định khác;
- 10.5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng, chống cháy, phòng, chống bão lụt;
- 10.6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo;
- 10.7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

Công ty có nghĩa vụ:

- 11.1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán, kế toán-thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo tài chính của Công ty;
- 11.2. Bảo toàn và phát triển vốn;
- 11.3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty;
- 11.4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty với Đại hội đồng cổ đông;
- 11.5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- 11.6. Chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1. VỐN

Điều 12. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này được xác định là: 3.299.945.720.000 (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

- 12.1. Việc tăng vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Trong mọi trường hợp, vốn điều lệ của Công ty không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- 12.2. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:
 - a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - b. Đào tạo chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.
 - c. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - d. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
 - e. Kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty.
- 12.3. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác không trái pháp luật).
- 12.4. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt nam, người Việt nam định cư ở nước ngoài theo quy định của Luật Doanh Nghiệp thuộc đối tượng được mua cổ phần của Công ty, trừ những trường hợp theo luật pháp Việt Nam qui định.

MỤC 2. CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 13. Cổ phần

- 13.1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần gọi là cổ phần. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu của cổ đông mua cổ phần.
- 13.2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 329.994.572 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 (mười nghìn) đồng Việt Nam, được các cổ đông sáng lập đăng ký mua tại thời điểm thành lập Công ty. Mỗi cổ phần cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 14. Các loại cổ phần

- 14.1. Cổ phần của Công ty gồm cổ phần phổ thông và các loại cổ phần ưu đãi. Các loại cổ phần ưu đãi gồm cổ phần ưu đãi giá mua, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi cổ tức. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Thời gian đầu Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông.
- 14.2. Cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 (mười nghìn) đồng Việt Nam khi đăng ký kinh doanh. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết.

Điều 15. Hình thức cổ phiếu

- 15.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - đ) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
 - e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
 - h) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - i) Các nội dung khác theo quy định tại điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- 15.2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.
- 15.3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
- a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

15.4. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

15.5. Cổ phiếu phải có chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty mới hợp lệ.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

16.1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, trụ sở Công ty; tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được chào bán của từng loại; tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

16.2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết.

16.3. Cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 17. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

17.1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- 17.2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong 3 số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - b. Thông báo phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức, số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;
 - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông; trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
- 17.3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
- 17.4. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền

sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

- 17.5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 116 và khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

- 17.6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Thừa kế cổ phần

- 18.1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

- a. Người thừa kế duy nhất theo luật định.
- b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

- 18.2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

MỤC 3. CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền của cổ đông phổ thông

- 19.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của đại hội đồng cổ đông;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho các cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty.
- 19.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền sau đây:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 19.3 Điều này;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- 19.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo

yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyền quyết định vượt quá thẩm quyền.

- 19.4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 19.2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên hoặc cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 20. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

- 20.1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn **24 tháng**, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 20.2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ công ty.
- 20.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 20.4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 20.5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi và hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- 21.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 21.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 21.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 22. Danh sách cổ đông sáng lập sở hữu cổ phần của Công ty

1 Đỗ Hữu Hạ

- Sinh ngày 06 tháng 11 năm 1955.
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Giới tính: Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 183 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 183 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh nhân dân số: 013552551 cấp ngày 26 tháng 05 năm 2012 tại Công an thành phố Hà Nội
- Số lượng cổ phần sở hữu: 137.348.750 cổ phần, chiếm 41,62% tổng vốn điều lệ của Công ty.

2 Nguyễn Thị Hà

- Sinh ngày 17 tháng 05 năm 1957.
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Giới tính: Nữ
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 183 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Chỗ ở hiện tại: Số 183 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh nhân dân số: 013552552 do Công an Hà Nội cấp ngày 26 tháng 05 năm 2012.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.375.000 cổ phần, chiếm 0,42% tổng vốn điều lệ của Công ty.

3 Đỗ Hữu Hưng

- Sinh ngày 01 tháng 04 năm 1978.
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Giới tính: Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Chứng minh nhân dân số: 031078001325 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 16/09/2015.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.375.000 cổ phần, chiếm 0,42% tổng vốn điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần

- 23.1. Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; đối với công ty cổ phần có trên mười một cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát.
- 23.2. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 23.3. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
- 23.4. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 23.5. Cổ đông là tổ chức do một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền có quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:
- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
 - f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
- 23.6. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 23.4 Điều này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

- 24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ hợp lệ khi có số cổ đông hoặc đại diện cho nhóm cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 24.2. Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông tiến hành lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 24.1 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp đó được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 24.3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lần thứ ba, thì cuộc họp đó luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.
- 24.4. Chỉ có Đại hội cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 25.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời gian 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp kéo dài hơn thời hạn trên, thời gian tổ chức không được quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 25.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - a. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất, kinh doanh, báo cáo của các kiểm soát viên;
 - b. Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ;

- c. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới;
- d. Quyết định việc tăng vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu;
- e. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty;
- f. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ;
- g. Thông qua điều lệ bổ sung, sửa đổi (nếu có);
- h. Quyết định việc thành lập hay giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- i. Quyết định các vấn đề khác.

Điều 26. Cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường

26.1. Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội cổ đông bất thường

Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Kiểm soát viên trưởng hoặc 2/3 kiểm soát viên.
- d. Nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% cổ phần biểu quyết của Công ty.

26.2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường là hợp lệ nếu có số cổ đông tham dự như xác định tại Điều 24 ở trên.

26.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 23.4 Điều 23 Điều lệ này đều có thể được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 27. Thủ tục triệu tập và tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

27.1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký kinh doanh đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

- 27.2. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 27.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 27.4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 27.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- 27.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
- 27.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không

tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

27.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

27.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 27.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 28. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

28.1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp, hoặc bằng văn bản có chữ ký của tất cả cổ đông, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín.

28.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- b. Thông qua định hướng phát triển công ty;
- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Quyết định Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

28.3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

- b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 28.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 28.5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;
Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 23.4 Điều 23 Điều lệ này đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 28.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Hội đồng quản trị

- 29.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng cổ đông.
- 29.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 21.1 của Điều lệ này;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ này;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (năm mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- 29.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;
- 29.4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 1 năm có quyền yêu cầu

Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 30. Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

30.1. Thành viên Hội đồng quản trị là người có đủ các điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề chủ yếu của công ty;
- c. Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu cổ phần trên 50% vốn Điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- d. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- e. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

30.2. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch và một ủy viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị

- 31.1. Hội đồng quản trị có không ít hơn ba thành viên, không quá mười một thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 2 (hai) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 31.2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 31.3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- 31.4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

32.1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì

các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

32.2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

32.3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nêu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

32.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

32.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 32.4 điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

32.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

32.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

32.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ

trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 32.9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm Hội đồng quản trị

33.1. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

33.2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông:

- a. Quản trị Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng pháp luật.
- b. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
 - Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty, huy động vốn;
 - Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần;
 - Chương trình thực hiện các đề án cụ thể và quan hệ quốc tế.
- c. Trình Đại hội đồng cổ đông: các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất, kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
- d. Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia cổ tức và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc.
- f. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty.

Điều 34. Hoạt động của Hội đồng quản trị

34.1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất 3 tháng 1 lần.

34.2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Kiểm soát viên trưởng;

d. Tổng Giám đốc.

34.3. Mọi Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải ghi trong biên bản và biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành với toàn Công ty.

Điều 35. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

35.1. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

35.2. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

35.3. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại đến lợi ích Công ty, không được chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh thuộc về Công ty.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

36.1. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quy định quy chế làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

36.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung nghị sự, soạn thảo nghị quyết và các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị.

36.3. Giám sát việc tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị.

36.4. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung nghị sự, soạn thảo nghị quyết và các tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị thành lập các Ban kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và thư ký tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

36.5. Trình Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại điều 40 Điều lệ này.

36.6. Xem xét đề xuất của Tổng Giám đốc để quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp của Tổng Giám đốc các đơn vị trực thuộc gồm: chi nhánh và trưởng các văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài.

36.7. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

36.8. Thay mặt Hội đồng quản trị xét việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.

36.9. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản quy định, các hợp đồng,

thoả thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- 36.10. Quyết định thành lập Chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- 36.11. Ký quyết định cho cán bộ nhân viên của Công ty đi công tác, đào tạo tại nước ngoài theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- 36.12. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động hàng năm của Công ty.
- 36.13. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 36.14.** Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Phó Chủ tịch sẽ thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cũng không có người được uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

MỤC 3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ĐẠI DIỆN PHÁP NHÂN CÔNG TY

Điều 37. Tổng Giám đốc

- 37.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- 37.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 37.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 37.4. Tổng Giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.

- 38.1. Tổng Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cá nhân sở hữu ít nhất 5% vốn Điều lệ của công ty hoặc người không phải là cổ đông, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

Điều 39. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

39.1. Tổng Giám đốc Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ trong kinh doanh;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Các quyền khác được quy định tại Hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

39.2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 40. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

40.1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

40.2. Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - c. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 40.3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 41. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 41.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 41.2. Con dấu là tài sản của doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, doanh nghiệp có thể có con dấu thứ hai.
- 41.3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 42. Ban kiểm soát

- 42.1. Ban kiểm soát có từ ba đến năm thành viên, trong đó có ít nhất một kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 42.2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
- 42.3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.

- 43.1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây.
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

43.2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 44. Nhiệm kỳ kiểm soát viên

- 44.1. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
- 44.2. Trong nhiệm kỳ nếu kiểm soát viên có khiếm khuyết thì cuộc họp Đại hội cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 45. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- 45.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 45.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 45.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 45.4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm). Vốn điều lệ trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng.
- 45.5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) Vốn điều lệ trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- 45.6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 45.7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 45.8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này. Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 45.9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 46. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 46.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.
- 46.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 46.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG V

HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 47. Hạch toán

- 47.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.
- 47.2. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo đúng Pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành.
- 47.3. Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị sẽ nhóm họp để xem xét, thông qua quyết toán và báo cáo để trình Đại hội đồng cổ đông. Quyết toán hàng năm gồm:
 - a. Bản cân đối kế toán của Công ty;
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d. Thuyết minh báo cáo tài chính;
 - e. Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối năm đó.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít nhất trước 15 ngày của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- 47.4. Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các văn bản, biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu trữ tại văn phòng Công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 48. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

- 48.1. Lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:
 - a. Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí (bao gồm cả thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).
 - b. Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 48.2. Việc phân chia lợi nhuận ròng nói trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở phương án do Hội đồng quản trị đề nghị hàng năm.

Điều 49. Nguyên tắc trả cổ tức

- 49.1. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 49.2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ

tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; tên, địa chỉ của cổ đông; số cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; thời điểm và phương thức trả cổ tức.

- 49.3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 50. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

- 50.1. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:
- a. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
 - b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau; đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

Điều 51. Con dấu của Công ty

- 51.1. Doanh nghiệp có con dấu riêng. Con dấu của doanh nghiệp phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VI

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH CHẤP

Điều 52. Các trường hợp giải thể

Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:

- 52.1. Theo quy định tại Điều 203 của Luật doanh nghiệp.
- 52.2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 52.3. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục.
- 52.4. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 52.5. Trường hợp Công ty bị lỗ 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.
- 52.6. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị đề cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.
- 52.7. Quyết định của Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Thủ tục giải thể

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

- 53.1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
 - b. Lý do giải thể;
 - c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.
 - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
 - e. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- 53.2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.
- 53.3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Doanh nghiệp.

Quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo

về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

53.4. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
- b. Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc các cổ đông.

Điều 54. Thanh lý

54.1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.

54.2. Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 55. Giải quyết tranh chấp

55.1. Giải quyết tranh chấp về nội dung Điều lệ Công ty mọi tranh chấp khiếu nại phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty liên quan đến việc giải thích, áp dụng, các điều khoản của Điều lệ này được giải quyết trên cơ sở pháp luật hiện hành tại Việt Nam.

55.2. Mọi tranh chấp khiếu nại, phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty liên quan đến quyền lợi của cổ đông phải được giải quyết thông qua hoà giải thương lượng trên cơ sở Điều lệ này trước khi đưa ra giải quyết tại các Toà án có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 56. Bổ sung sửa đổi Điều lệ

56.1. Điều lệ của Công ty có thể được bổ sung, sửa đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 28 theo kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ của Hội đồng quản trị Công ty như quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

Điều 57. Đăng ký Điều lệ

57.1. Điều lệ Công ty gồm 7 chương, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bản Điều lệ này được lập thành 03 bản gốc, trong đó:

- a. 01 bản đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.
- b. 01 bản lưu tại văn phòng Công ty.
- c. Văn phòng Công ty giữ 01 bản.

57.2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 19/04/2016.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Đã ký)

Đỗ Hữu Hạ